

2. Giải bài toán sau (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài.

$$\text{Đổi } 8\text{dm} = 0,8 \text{ m}$$

Chu vi mặt đáy của thùng đó là:

$$(1,5 + 0,6) \times 2 = 4,2 \text{ (m)}$$

Diện tích xung quanh của thùng đó là:

$$4,2 \times 0,8 = 3,36 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số: } 3,36 \text{ m}^2$$

3. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài.

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật A là:

$$(2,5 + 1,5) \times 2 \times 1,2 = 9,6 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật A là:

$$9,6 + (2,5 \times 1,5 \times 2) = 17,1 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật B là:

$$(1,5 + 1,2) \times 2 \times 2,5 = 13,5 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật A là:

$$13,5 + (1,5 \times 1,2 \times 2) = 17,1 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Vậy: a- S b- Đ

C. Hoạt động ứng dụng: Thực hiện với cộng đồng

- Về nhà em cùng với người thân thực hiện các bài tập ở hoạt động ứng dụng.

Ngày soạn: 24/1/20...

Ngày dạy: Thứ năm, 28 /1/20...

Ngày dạy: Thứ sáu, 29/1/20...

BÀI 70: DIỆN TÍCH XUNG QUANH VÀ DIỆN TÍCH TOÀN PHẦN CỦA HÌNH LẬP PHƯƠNG

I. Mục tiêu:

Em biết tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương.

II. Đồ dùng:

1.GV: Sách hướng dẫn.

2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**Tiết 1:**

***Khởi động:** Chơi trò chơi “Đố bạn” – HĐ1(HĐ nhóm)

- Gv giới thiệu bài

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động cơ bản:

2. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau(HĐ nhóm)

- Thảo luận cách tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình lập phương có cạnh 5cm.

- HS: Muốn tính diện tích xung quanh của hình lập phương ta lấy diện tích một mặt nhân với 4.

Muốn tính diện tích toàn phần của hình lập phương ta lấy diện tích một mặt nhân với 6.

3. (HĐ cặp đôi)

a) Nói cho bạn nghe cách tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương.

b) Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương cạnh 2,3cm

- HS làm bài tập

- Trao đổi cặp đôi

- HS báo cáo kết quả

Diện tích xung quanh của hình lập phương là:

$$(2,3 \times 2,3) \times 4 = 21,16 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình lập phương là:

$$(2,3 \times 2,3) \times 6 = 31,74 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số: } 21,16\text{m}^2 ; 31,74 \text{ m}^2$$

Tiết 2:**B.Hoạt động thực hành:**

1.Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS nêu Kq trước lớp.

- GV nhận xét, chữa bài.

a) Cạnh 2,5dm

Diện tích xung quanh của hình lập phương là:

$$(2,5 \times 2,5) \times 4 = 25 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình lập phương là:

$$(2,5 \times 2,5) \times 6 = 37,5 \text{ (dm}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số: } 25 \text{ dm}^2 \quad 37,5 \text{ dm}^2$$

b) cạnh $4m2cm$; $4m2cm = 4,02m$

Diện tích xung quanh của hình lập phương là:

$$(4,02 \times 4,02) \times 4 = 64,6416 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình lập phương là:

$$(4,02 \times 4,02) \times 6 = 96,9624 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số: } 64,6416 \text{ m}^2 \quad 96,9624 \text{ m}^2$$

2. Giải bài toán sau(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải

Diện tích của bìa cần dùng để làm cái hộp đó là

$$3,5 \times 3,5 \times 5 = 61,25 \text{ (dm}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số : } 61,25 \text{ dm}^2$$

3. Mảnh bìa nào dưới đây có thể gấp được một hình lập phương(HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài. Hình 4,

4. Đúng ghi Đ, sai ghi S(cặp đôi)

- HS làm bài cá nhân.
- HS kiểm tra chéo và báo cáo kết quả
- GV nhận xét, chữa bài.

Diện tích xung quanh của hình lập phương A : $10 \times 10 \times 4 = 400 \text{ (cm}^2\text{)}$

Diện tích toàn phần của hình lập phương A : $10 \times 10 \times 6 = 600 \text{ (cm}^2\text{)}$

Diện tích xung quanh của hình lập phương B : $5 \times 5 \times 4 = 100 \text{ (cm}^2\text{)}$

Diện tích toàn phần của hình lập phương B : $5 \times 5 \times 6 = 150 \text{ (cm}^2\text{)}$

a) S b) Đ c) S d) Đ

C. Hoạt động ứng dụng: Thực hiện với cộng đồng

- Về nhà em cùng với người thân làm các bài tập ở hoạt động ứng dụng

TUẦN 23

Tiết 1: Chào cờ

TẬP TRUNG ĐẦU TUẦN

Tiết 2: Toán

Ngày soạn: 06/2/20...

Ngày dạy: Thứ hai, 16/2/20...

BÀI 71: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. Mục tiêu:

Em ôn tập về cách tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

II. Đồ dùng:

1.GV: Sách hướng dẫn.

2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

Tiết 1:

***Khởi động:** Hát tập thể

- Gv giới thiệu bài

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động thực hành:

1. Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài.

a) Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là:

$$(2,5+1,1) \times 2 \times 0,5 = 3,6 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật đó là:

$$(3,6 + 2,5) \times 1,1 \times 2 = 9,1 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số: } 3,6 \text{ m}^2 ; 9,1 \text{ m}^2$$

b) Đổi $3\text{m} = 30\text{dm}$

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là:

$$(30+15) \times 2 \times 9 = 810 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật đó là:

$$810 + 30 \times 15 \times 2 = 1710 \text{ (dm}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số: } 810\text{dm}^2; 1710\text{dm}^2$$

2. Viết số đo thích hợp vào ô trống

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài.

Hình hộp chữ nhật	(1)	(2)	(3)
Chiều dài	4 m	$\frac{2}{5}$ m	0,8cm
Chiều rộng	3m	$\frac{1}{4}$ m	0,6 cm
Chiều cao	5m	$\frac{1}{2}$ m	0,6cm
Chu vi mặt đáy	14cm	$\frac{13}{10}$ m	2,8cm
Diện tích xung quanh	70cm ²	$\frac{13}{20}$ m ²	1,68cm ²
Diện tích toàn phần	94 cm ²	$\frac{17}{20}$ m ²	2,64cm ²

3. Giải bài toán

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài.

Một hình lập phương có cạnh 5cm. Nếu cạnh của hình lập phương gấp lên 4 lần thì diện tích xung quanh và diện tích toàn phần cũng gấp lên 4 lần. Vì:

Diện tích xung quanh của hình lập phương có cạnh 5cm: $5 \times 4 = 20 \text{ cm}^2$

Diện tích toàn phần của hình lập phương có cạnh 5cm : $5 \times 6 = 30 \text{ cm}^2$

Cạnh của hình lập phương khi gấp lên 4 lần là : $5 \times 4 = 20 \text{ cm}$

Diện tích xung quanh của hình lập phương: $20 \times 4 = 80 \text{ cm}^2$

Diện tích toàn phần của hình lập phương : $20 \times 6 = 120 \text{ cm}^2$

B. Hoạt động ứng dụng: Thực hiện với cộng đồng

- Về nhà em cùng với người thân thực hiện các yêu cầu ở hoạt động ứng dụng.

Ngày soạn: 07/2/20...

Ngày dạy: Thứ ba, 17/2/20...

BÀI 72 : THỂ TÍCH CỦA MỘT HÌNH

I. Mục tiêu:

- Có biểu tượng về thể tích của một hình.
- Biết so sánh thể tích của hai hình trong một số tình huống đơn giản.

II. Đồ dùng:

1.GV: Sách hướng dẫn.

2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

*Khởi động: Hát tập thể.

- Gv giới thiệu bài

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động cơ bản:

1. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau: (HĐ cả lớp)

- HS qs sgk, đọc rồi giải thích cho bạn nghe: thể tích hình lập phương bé hơn thể tích hình hộp chữ nhật hay thể tích hình hộp chữ nhật lớn hơn thể tích hình lập phương.

- Trao đổi cặp đôi

2. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau: (HĐ nhóm)

- HS thực hiện cá nhân

- Trao đổi kq trong nhóm

- GV nhận xét.

3. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau: (HĐ nhóm)

- HS thực hiện cá nhân

- Trao đổi kq trong nhóm

- GV nhận xét.

4. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau: (HĐ nhóm)

- HS thực hiện cá nhân

- Trao đổi kq trong nhóm
- GV nhận xét

B. Hoạt động thực hành:

1. (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài.
- + Hình hộp chữ nhật A gồm 8 hình lập phương nhỏ.
- + Hình hộp chữ nhật B gồm 12 hình lập phương nhỏ.
- + Hình B có thể tích lớn hơn.

2. (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài.
- + Hình C gồm 8 hình lập phương nhỏ.
- + Hình D gồm 10 hình lập phương nhỏ.
- + Hình D có thể tích lớn hơn hình C.

3. (HĐ cá nhân)

- HS thực hành.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, kl : Chúng ta có rất nhiều cách gấp để được các hình khác nhau.

C. Hoạt động ứng dụng: Thực hiện với cộng đồng

- Về nhà em cùng với người thân thực hiện các yêu cầu ở bài tập ứng dụng.

Ngày dạy: 08/2/20...

Ngày soạn: Thứ tư, 18/2/20...

BÀI 73 : XĂNG - TI - MÉT KHỐI. ĐỀ - XI - MÉT KHỐI

I. Mục tiêu: Em nhận biết:

- Biểu tượng về xăng - ti - mét khối và đề - xi - mét khối.
- Quan hệ giữa xăng - ti - mét khối và đề - xi - mét khối.

II. Đồ dùng:

1. GV: Sách hướng dẫn.
2. HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng?” (HĐ1)

- Gv giới thiệu bài

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động cơ bản:

2. Đọc kĩ nội dung sau và nghe thầy/cô giáo hướng dẫn: (HĐ cả lớp)

- HS đọc cá nhân

- GV hỏi: xăng - ti - mét khối là thể tích của hình lập phương có cạnh dài bao nhiêu cm? xăng - ti - mét khối viết tắt là gì?

- Đề - xi - mét khối là thể tích của hình lập phương có cạnh dài bao nhiêu dm? đề - xi - mét khối viết tắt là gì?

- HS trả lời.

3. Đọc, viết các số đo thể tích sau: (HĐ nhóm đôi)

- HS làm bài

- HS trao đổi Kq trong nhóm

- GV Kt Nx

a) Đọc các số đo thể tích: - Sáu mươi tám xăng-ti-mét khối

- Năm mươi tư phẩy 3 đề-xi-mét khối

- Bốn phần năm xăng-ti-mét khối.

b) Viết các số đo: $37dm^3$; $\frac{5}{8} dm^3$

B.Hoạt động thực hành:

1. Viết vào ô trống (theo mẫu): (HĐ cá nhân)

- HS làm bài

- GV Kt Nx

Viết	Đọc
$85 cm^3$	Tám mươi lăm xăng-ti-mét khối
$604 dm^3$	Sáu trăm linh bốn đề-xi-mét khối
$23,02dm^3$	Hai mươi ba, không hai đề- xi-mét khối
$\frac{3}{8} cm^3$	Ba phần tám xăng-ti-mét khối
$428 cm^3$	Bốn trăm hai mươi tám xăng-ti-mét-khối
$9,103 dm^3$	Chín phẩy một trăm linh ba đề-xi-mét-khối
$\frac{4}{9} dm^3$	Bốn phần chín xăng-ti-mét khối.

2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: (cá nhân)

- HS làm bài

- GV Kt 1 nhóm, cử 1 số em làm tốt đi hỗ trợ KT nhóm khác.

- HS đi KT báo cáo Kq của nhóm bạn.

a) $1dm^3 = 1000cm^3$ $634dm^3 = 634\ 000cm^3$

$10,2dm^3 = 10200 cm^3$ $0,8 dm^3 = 800 cm^3$

b) $6000 cm^3 = 6 dm^3$ $234\ 000 cm^3 = 234 dm^3$

C. Hoạt động ứng dụng: Thực hiện với cộng đồng

- Về nhà em cùng với người thân thực hiện các yêu cầu ở hoạt động ứng dụng.

Ngày soạn: 09/2/20...

Ngày dạy: Thứ năm, 19/2/20...

BÀI 74 : MÉT KHỐI.

I. Mục tiêu: Em nhận biết:

- Biểu tượng về mét khối.
- Quan hệ giữa mét khối, đề -xi-mét khối và xăng - ti -mét khối.

II. Đồ dùng:

- 1.GV: Sách hướng dẫn.
- 2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Chơi trò chơi “Ghép thẻ?” (HĐ1)

- Gv giới thiệu bài
- * Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động cơ bản:

2. Đọc kĩ nội dung sau và nghe thầy/cô giáo hướng dẫn: (HĐ cả lớp)

- HS đọc cá nhân
- GV hỏi: mét khối là thể tích của hình lập phương có cạnh dài bao nhiêu m? mét khối viết tắt là gì?
- $1\text{m}^3 =$ bao nhiêu dm^3 ? Bao nhiêu cm^3
- HS trả lời.

3. a) Chơi trò chơi “Đố bạn”: (HĐ nhóm đôi)

- HS chơi trong nhóm
- GV Kt Nx
- b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- HS làm bài cá nhân
- Đôi vở cho bạn KT Kq
- GV KT, nhận xét
- $2\text{ m}^3 = 2.000\text{ dm}^3$ $2\text{m}^3 = 2.000.000\text{ cm}^3$
- $2\text{dm}^3 = 0,002\text{ m}^3$ $2\text{cm}^3 = 0,000002\text{ m}^3$

B.Hoạt động thực hành:

1. Đọc, viết số đo thể tích: (HĐ cá nhân)

- HS thực hiện cá nhân
- GV Kt Nx
- a) Đọc các số đo thể tích.
- Ba mươi một mét khối
- Năm trăm linh bảy mét khối
- Bảy phần tám mét khối
- Không phẩy một trăm hai mươi ba mét khối.

b) Viết các số đo thể tích.

$$300\text{m}^3 ; 6\,003\text{ m}^3; \frac{4}{9}\text{ m}^3 ; 23,56\text{ m}^3$$

2. a)Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là dm^3 : (HĐ cá nhân)

b) Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là cm^3 : (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- GV Kt 1 nhóm, cử 1 số em làm tốt đi hỗ trợ KT nhóm khác.

- HS đi KT báo cáo Kq của nhóm bạn.

a) $1\text{m}^3 = 1000\text{dm}^3$ $209\text{m}^3 = 209.000\text{ dm}^3$

$$34,6\text{m}^3 = 34600\text{ dm}^3 \qquad \frac{2}{5}\text{ m}^3 = 400\text{ dm}^3$$

b) $1\text{dm}^3 = 1000\text{cm}^3$ $2,643\text{ dm}^3 = 2643\text{ cm}^3$

$$\frac{5}{8}\text{ m}^3 = 625000\text{ cm}^3 \qquad 51,17\text{ m}^3 = 51170\text{ cm}^3$$

C. Hoạt động ứng dụng: Thực hiện với cộng đồng

- Về nhà em cùng với người thân thực hiện các yêu cầu ở hoạt động ứng dụng.

Ngày soạn: 10/2/20...

Ngày dạy: Thứ sáu, 21/2/20...

BÀI 75 : EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. Mục tiêu: Em ôn tập về:

- Các đơn vị đo thể tích: mét khối, đề -xi-mét khối và xăng - ti -mét khối.

- Đọc, viết, so sánh các đơn vị đo thể tích; đổi đơn vị đo thể tích.

II. Đồ dùng:

1.GV: Sách hướng dẫn.

2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Chơi trò chơi “Đố bạn”: (HĐ 1)

- Gv giới thiệu bài

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động thực hành:

2. Đọc, viết các số đo thể tích sau: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS nêu Kq trước lớp.

- GV nhận xét, chữa bài.

b) $7\,022\text{ cm}^3; \frac{32}{100}\text{ dm}^3 ; 0,55\text{ m}^2 ; 8,301\text{ m}^3$

3. Đúng ghi Đ, sai ghi S: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS nêu Kq trước lớp.

- GV nhận xét, chữa bài.

a) Đúng b) Đúng c) Sai

4. So sánh các số đo sau đây: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- GV nhận xét, chữa bài, củng cố cách so sánh.

a) $913,232413 \text{ m}^3 = 913232413 \text{ cm}^3$

b) $\frac{12345}{1000} \text{ m}^3 = 12,345 \text{ m}^3$

B. Hoạt động ứng dụng: Thực hiện với cộng đồng

Trả lời câu hỏi và viết vào vở:

Có $1 \text{ dm}^3 = 1 \text{ l}$

$1,5 \text{ m}^3 = 1\,500 \text{ dm}^3 = 1\,500 \text{ l}$

TUẦN 24

Tiết 1: Chào cờ

TẬP TRUNG ĐẦU TUẦN

Tiết 2: Toán

Ngày soạn: 18/2/20...

Ngày dạy: Thứ hai, 22/2/20...

BÀI 76 : THỂ TÍCH HÌNH HỘP CHỮ NHẬT

I. Mục tiêu:

- Có biểu tượng về thể tích hình hộp chữ nhật.
- Biết cách tính và công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật..

II. Đồ dùng:

- 1.GV: Sách hướng dẫn.
- 2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

A.Hoạt động cơ bản:

***Khởi động:**HĐ 1 Thực hiện lần lượt các hoạt động sau: (HĐ nhóm)

- HS qs, thảo luận và điền số thích hợp vào chỗ chấm
- GV NX
- Gv giới thiệu bài

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu

2. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau: (HĐ cả lớp)

- HS thảo luận cách giải bài toán.
- HS đọc kĩ ND ý c
- GV Kt, củng cố về cách tính thể tích hình hộp chữ nhật, công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật.

$$V = a \times b \times c$$

V là thể tích

a, b, c là các cạnh của hình hộp chữ nhật.

3. (HĐ cặp đôi)

- HS thực hiện theo nhóm đôi
- GV KT, NX

Thể tích của hình hộp chữ nhật là: $20 \times 16 \times 10 = 32\,000\text{cm}^3$

B.Hoạt động thực hành:

1. Tính thể tích hình hộp chữ nhật: (HĐ cá nhân)

- HS thực hiện cá nhân
- HS nêu kq trước lớp
- GV Nx

a) Thể tích hình hộp chữ nhật là: $6 \times 4 \times 3 = 72\text{ (cm}^3\text{)}$

b) Thể tích hình hộp chữ nhật là: $4 \times 4 \times 4 = 64\text{ (cm}^3\text{)}$

c) Thể tích hình hộp chữ nhật là: $9 \times 5 \times 2 = 90\text{ (cm}^3\text{)}$

2. Tính thể tích hình hộp chữ nhật: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- GV Kt 1 nhóm, cử 1 số em làm tốt đi hỗ trợ KT nhóm khác.
- HS đi KT báo cáo Kq của nhóm bạn.

- a) Thể tích hình hộp chữ nhật là: $7 \times 4 \times 8 = 224 \text{ (cm}^3\text{)}$
 b) Thể tích hình hộp chữ nhật là: $3,5 \times 1,5 \times 0,5 = 2,625 \text{ (m}^3\text{)}$
 c) Thể tích hình hộp chữ nhật là: $\frac{5}{2} \times \frac{7}{5} \times \frac{3}{4} = \frac{21}{8} \text{ (dm}^3\text{)}$

C. Hoạt động ứng dụng: Thực hiện với cộng đồng

- Về nhà em cùng với người thân thực hiện các yêu cầu ở hoạt động ứng dụng
- Báo cáo kết quả với giáo viên:
 Kq: 1 . 730 cm³ 2 . 200 cm³

Ngày soạn: 19/2/20...

Ngày dạy: Thứ ba, 23/2/20...

BÀI 77: THỂ TÍCH HÌNH LẬP PHƯƠNG

I. Mục tiêu:

- Có biểu tượng về thể tích hình lập phương.
- Biết cách tính và công thức tính thể tích hình lập phương.

II. Đồ dùng:

- 1.GV: Sách hướng dẫn.
- 2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Chơi trò chơi: “ Tìm thể tích” HĐ 1(HĐ nhóm).

- Gv giới thiệu bài
- * Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động cơ bản:

2. Thực hiện lần lượt các hoạt động sau: (HĐ nhóm)

- HS thảo luận cách giải bài toán cá nhân, nhóm.
- HS đọc kĩ ND ý b
- GV KL: Muốn tính thể tích hình lập phương ta lấy cạnh nhân với cạnh rồi nhân với cạnh.

$$V = a \times a \times a$$

3. (HĐ cặp đôi)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi theo nhóm đôi.
- GV KT, NX.

Bài giải :

Thể tích của hình lập phương là: $5 \times 5 \times 5 = 125 \text{ (dm}^3\text{)}$

Đáp số: 125 dm³

B.Hoạt động thực hành:

1.Viết số đo thích hợp vào ô trống: (HĐ cá nhân)

- HS thực hiện cá nhân

- HS nêu kq trước lớp
- GV Nx, chữa bài:

Hình lập phương	(1)	(2)	(3)	(4)
Độ dài cạnh	2,5m	$\frac{3}{4}$ dm	7 cm	10dm
Diện tích một mặt	$6,25m^2$	$\frac{9}{16} dm^2$	$49cm^2$	$100dm^2$
Diện tích toàn phần	$37,5m^2$	$\frac{54}{16} dm^2$	$284cm^2$	$600 dm^2$
Thể tích	$15,625m^3$	$\frac{81}{256} dm^3$	$343cm^3$	$1000dm^3$

Bài tập củng cố cách tính thể tích hình gì?

2. Giải bài toán sau: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- GV Kt 1 nhóm, cử 1 số em làm tốt đi hỗ trợ KT nhóm khác.
- HS đi KT báo cáo Kq của nhóm bạn.

Bài giải:

a. Thể tích của hình hộp chữ nhật là: $12 \times 4 \times 5 = 240 (m^3)$

b. Cạnh của hình lập phương là: $(12 + 4 + 5) : 3 = 7 (m)$

Thể tích của hình lập phương là: $7 \times 7 \times 7 = 343(m^3)$

Đáp số: a. $240m^3$ b. $343m^3$

Muốn tính thể tích hình lập phương làm ntn?

C. Hoạt động ứng dụng: Thực hiện với cộng đồng

- Về nhà em cùng với người thân thực hiện bài tập ở phần ứng dụng
- Báo cáo kết quả với giáo viên

Kq: Thể tích của bể nước : $4 \times 4 \times 4 = 64m^3$

$\frac{3}{4}$ bể nước là : $64 \times \frac{3}{4} = 48 m$

Vậy phải đổ vào bể số lít nước là: $64 - 48 = 16l$

Ngày soạn: 20/2/20...

Ngày dạy: Thứ tư, 24/2/20...

Ngày dạy: Thứ năm, 25/2/20...

BÀI 78 : EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

Tiết 1:

I. Mục tiêu: Em ôn tập về:

- Tính diện tích, thể tích hình hộp chữ nhật và hình lập phương.
- Tính tỉ số phần trăm của một số, ứng dụng trong tính nhẩm và giải toán..

II. Đồ dùng:

1.GV: Sách hướng dẫn.

2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Chơi trò chơi “Tiếp sức”: (HĐ 1) (HĐ nhóm)

- Gv giới thiệu bài

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động thực hành:

2. Giải bài toán: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- HS nêu Kq trước lớp.

- GV nhận xét, chữa bài.

Diện tích một mặt của hình lập phương là: $1,5 \times 1,5 = 2,25 \text{ dm}^2$

Diện tích toàn phần của hình lập phương là: $2,25 \times 6 = 13,5 \text{ dm}^2$

Thể tích của hình lập phương là : $2,25 \times 1,5 = 3,375 \text{ dm}^3$

Đáp số: $2,25 \text{ dm}^2$; $13,5 \text{ dm}^2$; $3,375 \text{ dm}^3$

3. Viết số đo thích hợp vào ô trống: (HĐ nhóm) chuyển lô gô từ cá nhân thành nhóm.

- HS làm bài theo nhóm.

- HS nêu Kq trước lớp.

- GV nhận xét, chữa bài.

Hình hộp chữ nhật	(1)	(2)	(3)
Chiều dài	11cm	$\frac{7}{2} \text{ dm}$	2,5m
Chiều rộng	6,5cm	3,2 dm	$\frac{3}{8} \text{ m}$
Chiều cao	$\frac{6}{5} \text{ cm}$	4dm	5,3m
Diện tích mặt đáy	$71,5 \text{ cm}^2$	$11,2 \text{ dm}^2$	$0,9375 \text{ m}^2$
Diện tích xung quanh	42 cm^2	$26,8 \text{ dm}^2$	$30,475 \text{ m}^2$
Thể tích	$85,8 \text{ cm}^3$	$44,8 \text{ dm}^3$	$4,96875 \text{ m}^3$

4. Giải bài toán sau: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- GV nhận xét, chữa bài, củng cố cách tính thể tích của một hình.

Bài giải:

Thể tích của khối gỗ hình hộp chữ nhật là: $8 \times 6 \times 5 = 240 (\text{ dm}^3)$

Thể tích của khối gỗ hình lập phương cắt đi là: $4 \times 4 \times 4 = 64 (\text{ dm}^3)$

Thể tích phần gỗ còn lại là: $240 - 64 = 176 \text{ dm}^3$

Đáp số: 176 dm^3

Tiết 2:

5. Chơi trò chơi: “ Tìm tỉ số phần trăm” (HĐ cặp đôi)

- HS chơi trò chơi theo nhóm đôi.
- 1 số nhóm trình bày trước lớp.
- GV nhận xét.

Vd: $\frac{1}{2} = 0,5 = 50\%$

6. HĐ Cá nhân:

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi trong nhóm.
- HS trình bày kết quả trước lớp.
- GV chữa bài.

- a. 32,5 % của 360 là 10% của 360 là 36
 10% của 360 là 36
 10% của 360 là 36
 2,5% của 360 là: 9
 32,5% của 360 là 117

- b. 45% của 680 là: 306.

7. Biết tỉ số thể tích của hai hình lập phương A và B là 2, 3 (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.
- HS trao đổi trong nhóm.
- GV nhận xét, chữa bài, củng cố cách tính thể tích của một hình.

Bài giải:

- a. Tỉ số thể tích của hình lập phương lớn và hình lập phương bé là: $\frac{3}{2}$. Như vậy, tỉ số phần trăm thể tích của hình lập phương lớn và thể tích của hình lập phương bé là:

$$\frac{3}{2} = 1,5 = 150\%$$

- b. Thể tích của hình lập phương lớn là:

$$64 \times \frac{3}{2} = 96 \text{ (cm}^3\text{)}$$

Đáp số: 96 cm^3

C. Hoạt động ứng dụng: Thực hiện với cộng đồng

Về nhà em cùng với người thân thực hiện bài tập ở HDƯD

Báo cáo kết quả với giáo viên:

Chữa bài: Khối cát để đổ vào cái hồ đó là: $50 \times 30 \times 50 = 75\,000 \text{ (dm}^3\text{)}$
 $= 75 \text{ (m}^3\text{)}$

Đáp số: 75 m^3

Ngày soạn: 8/2/20...

Ngày dạy: Thứ sáu, 26/2/20...

BÀI 79: GIỚI THIỆU HÌNH TRỤ. GIỚI THIỆU HÌNH CẦU

I. Mục tiêu:

- Em nhận dạng được hình trụ, hình cầu và xác định một số đồ vật có dạng hình trụ, hình cầu.

II. Đồ dùng:

1.GV: Sách hướng dẫn.

2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Hát một bài

- Gv giới thiệu bài

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động cơ bản:

1. Quan sát các đồ vật sau, thảo luận và trả lời câu hỏi: (HĐ nhóm)

- HS quan sát cá nhân.

- HS thảo luận trong nhóm.

- HS báo cáo kết quả.

- GV nhận xét: Cây giò, viên phân, hộp sữa có dạng hình trụ.

Quả cam, hạt ngọc trai, quả bóng có dạng hình cầu.

2. Đọc kĩ nội dung sau và giải thích cho bạn nghe: (HĐ nhóm)

- HS đọc cá nhân.

- HS thảo luận nhóm.

- GV Kt Nx. Thế nào được gọi là hình trụ? Hình trụ có hai mặt đáy là hai hình tròn bằng nhau và một mặt xung quanh.

3. Chơi trò chơi “ Ai nhanh ai đúng”

- GV hướng dẫn cách chơi.

- HS chơi theo nhóm

- GV nhận xét nhóm thắng cuộc.

Vd: Hình trụ: ống bơ, hộp chè, điều thuốc, cái cốc...

Hình cầu: quả bóng, quả cam, quả bưởi, quả địa cầu, trái đất...

B. Hoạt động thực hành:

1. Trong các hình dưới đây có hình nào là hình trụ: (HĐ cá nhân)

- HS thực hiện cá nhân

- GV Kt Nx

Đáp án: hình A, D, E

2. Đồ vật nào dưới đây có hình cầu: (HĐ cá nhân)

- HS làm bài cá nhân.

- GV Kt 1 nhóm, cử 1 số em làm tốt đi hỗ trợ KT nhóm khác.

- HS đi KT báo cáo Kq của nhóm bạn.

- GV nhận xét: quả bóng bàn, viên bi là dạng hình cầu.

C. Hoạt động ứng dụng: Thực hiện với cộng đồng

- Tìm trong nhà những đồ vật có dạng hình trụ, hình cầu rồi viết tên các đồ vật đó vào vở.

TUẦN 25

Tiết 1: Chào cờ

TẬP TRUNG ĐẦU TUẦN

Tiết 2: Toán

Ngày soạn: 27/2/20...

Ngày dạy: Thứ hai, 29/2/20...

BÀI 80: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. Mục tiêu:

Em ôn tập về tính diện tích hình tam giác, diện tích hình thang, hình bình hành.

II. Đồ dùng:

1.GV: Sách hướng dẫn.

2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Chơi trò chơi “Đố bạn”: (HĐ 1) (nhóm)

- Gv giới thiệu bài

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động thực hành:

Giải các bài toán sau: (cá nhân)

2.:

- HS làm bài cá nhân.

- HS nêu Kq trước lớp.

- GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải:

Diện tích hình bình hành MNPQ là: $18 \times 9 = 162$ (cm^2)

Diện tích hình tam giác KQP là: $18 \times 9 : 2 = 81$ (cm^2)

Tổng diện tích của hình tam giác MKQ và hình tam giác KNP là:
 $162 - 81 = 81$ (cm^2)

Vậy diện tích hình tam giác KQP bằng tổng diện tích của hình tam giác MKQ và hình tam giác KNP.

3.

- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu Kq trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải:

Bán kính hình tròn là: $5 : 2 = 2,5$ (cm)

Diện tích hình tròn là: $2,5 \times 2,5 \times 3,14 = 19,625$ (cm^2)

Diện tích hình tam giác vuông ABC là: $3 \times 4 : 2 = 6$ (cm^2)

Diện tích phần hình tròn được tô màu là: $19,625 - 6 = 13,625$ (cm^2)

Đáp số: $13,625\text{cm}^2$

B. Hoạt động ứng dụng: Thực hiện với cộng đồng

- Về nhà cùng người thân thực hiện các bài tập ở hoạt động ứng dụng.

1.

Diện tích của mảnh vườn là.

$(22 \times 24,5) : 2 + 31 \times 21 = 902,5$ (m^2)

Cả năm vườn đó thu hoạch được số tấn dưa là.

$15 : 10 \times 902,5 = 1353,75$ (kg) = $1,35375$ (tấn)

Đáp số: a, $902,5\text{m}^2$ b, $1,35375$ tấn

2.

Diện tích của biển báo giao thông là:

$(40 : 2) \times (40 : 2) \times 3,14 = 1256$ (m^2)

Diện tích hình mũi tên đó là:

$1256 \times 1 : 5 = 251,2$ (m^2)

Ngày soạn: 27/2/20...

Ngày dạy: Thứ ba, 25/2/20...

BÀI 81: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. Mục tiêu:

Em ôn tập về tính diện tích, thể tích của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.

* HS trên chuẩn làm được ý c HĐ 2.

II. Đồ dùng:

1.GV: Sách hướng dẫn.

2.HS: Sách hướng dẫn.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

***Khởi động:** Chơi trò chơi “Đố bạn”: (HĐ 1) (nhóm)

- Gv giới thiệu bài

* Học sinh ghi đầu bài và đọc mục tiêu.

A.Hoạt động thực hành:

Giải các bài toán sau: (cá nhân)

2.

- HS làm bài cá nhân.

- HS nêu Kq trước lớp.

- GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải:

$$1,2m = 120cm$$

$$\text{Diện tích xq là: } (120 + 60) \times 2 \times 80 = 28.800 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$\text{Diện tích kính dùng làm bể cá là: } (120 \times 60) + 28.800 = 36.000 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$\text{Thể tích bể cá đó là: } 120 \times 60 \times 80 = 576.000 \text{ (cm}^3\text{)}$$

$$\text{* Thể tích nước trong bể cá là: } 576.000 \times 3 : 4 = 432.000 \text{ (cm}^3\text{)}$$

$$\text{ĐS: a) } 36.000 \text{ cm}^2$$

$$\text{b) } 576.000 \text{ cm}^3$$

$$\text{c) } 432.000 \text{ cm}^3$$

3.

- HS làm bài cá nhân.

- HS nêu Kq trước lớp.

- GV nhận xét, chữa bài.

Bài giải:

$$\text{Diện tích xq của hình lập phương là: } (0,5 \times 0,5) \times 4 = 1 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$\text{Diện tích TP của hình lập phương là: } (0,5 \times 0,5) \times 6 = 1,5 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$\text{Thể tích của hình lập phương là: } 0,5 \times 0,5 \times 0,5 = 0,125 \text{ (cm}^3\text{)}$$

$$\text{ĐS: a) } 1 \text{ cm}^2$$

$$\text{b) } 1,5 \text{ cm}^2$$

$$\text{c) } 0,125 \text{ cm}^3$$

B. Hoạt động ứng dụng: Thực hiện với cộng đồng

- Về nhà em cùng với người thân thực hiện các yêu cầu ở hoạt động ứng dụng.

Ngày soạn: 20/2/2015

Ngày dạy: Thứ tư, 2/03/20...

BÀI 82: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. Mục tiêu:

Em tự đánh giá Kq học tập về:

- Tỷ số phần trăm và giải toán liên quan đến tỷ số phần trăm.
- Thu thập và xử lý thông tin từ biểu đồ hình quạt.
- Nhận dạng, tính diện tích, thể tích một số hình đã học.